

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và  
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

---

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

4103000082

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được điều chỉnh nhiều lần, lần mới nhất là vào ngày 6 tháng 2 năm 2013. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị 46 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên số 4103000082 cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Ông Trương Công Thắng	Thành viên
Ông Madhur Mani	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
Ông Lu Ming	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Toại	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon  
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé  
Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty và các công ty con đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty và Tập đoàn, các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn và tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 70. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345


Báo cáo kiểm toán số: 12-01-385



  
Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

  
Chong Kwang Puay  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 01 – DN

	Mã	Thuyết	Tập đoàn		Công ty	
			số	minh	31/12/2012	31/12/2011
			VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>6.125.830.321</b>	<b>8.948.743.518</b>	<b>6.576.859.263</b>	<b>5.349.869.072</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>3.383.585.011</b>	<b>4.730.726.781</b>	<b>871.211.108</b>	<b>1.548.283.789</b>
Tiền	111		68.852.030	54.302.350	17.711.108	19.083.789
Các khoản tương đương tiền	112		3.314.732.981	4.676.424.431	853.500.000	1.529.200.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>1.772.500.000</b>	<b>802.000.000</b>	<b>1.413.000.000</b>	<b>326.200.000</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		1.772.500.000	802.000.000	1.413.000.000	326.200.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>375.303.069</b>	<b>2.631.739.221</b>	<b>4.240.892.060</b>	<b>3.417.811.930</b>
Phải thu khách hàng	131		121.299.838	193.615.217	84.796.634	81.401.597
Trả trước cho người bán	132		100.853.227	150.475.986	854.725	1.500.495
Các khoản phải thu khác	135		153.527.772	2.288.731.834	4.155.240.701	3.335.734.675
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(377.768)	(1.083.816)	-	(824.837)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>563.855.229</b>	<b>612.846.021</b>	<b>37.042.904</b>	<b>53.063.518</b>
Hàng tồn kho	141		575.846.111	625.746.995	37.438.367	53.816.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.990.882)	(12.900.974)	(395.463)	(753.290)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.587.012</b>	<b>171.431.495</b>	<b>14.713.191</b>	<b>4.509.835</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.754.718	121.495.495	3.019.439	2.697.854
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.108.407	7.185.243	8.577.312	879.173
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	103.456	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.723.887	42.647.301	3.116.440	932.808

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã	Thuyết số minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>11.141.536.434</b>	<b>4.981.001.774</b>	<b>7.830.164.548</b>	<b>4.054.265.668</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>7</b>	<b>5.470.161.109</b>	<b>2.260.161.506</b>	<b>5.461.835.331</b>	<b>2.260.161.506</b>
Phải thu dài hạn khác	218		5.470.161.109	2.260.161.506	5.461.835.331	2.260.161.506
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.027.005.061</b>	<b>2.400.169.199</b>	<b>16.284.075</b>	<b>20.155.881</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.497.779.704	843.328.398	12.822.415	14.826.225
<i>Nguyên giá</i>	222		1.970.801.774	1.154.903.244	41.242.174	36.056.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(473.022.070)	(311.574.846)	(28.419.759)	(21.229.898)
Tài sản cố định vô hình	227	10	857.364.745	979.651.844	2.736.857	4.370.190
<i>Nguyên giá</i>	228		1.018.998.953	1.016.690.758	10.106.371	9.530.677
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(161.634.208)	(37.038.914)	(7.369.514)	(5.160.487)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	671.860.612	577.188.957	724.803	959.466
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>2.332.887.118</b>	<b>-</b>	<b>2.322.673.387</b>	<b>1.766.118.935</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	2.088.173.387	1.766.118.935
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.967.387.118	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		365.500.000	-	234.500.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>311.483.146</b>	<b>320.671.069</b>	<b>29.371.755</b>	<b>7.829.346</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	18.914.285	6.374.473	341.919	142.493
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	36.034.944	24.797.831	21.169.094	-
Tài sản dài hạn khác	268		7.901.742	12.393.773	7.860.742	7.686.853
Lợi thế thương mại	269	16	248.632.175	277.104.992	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>17.267.366.755</b>	<b>13.929.745.292</b>	<b>14.407.023.811</b>	<b>9.404.134.740</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã	Thuyết	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	số	minh	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>5.858.041.705</b>	<b>5.190.408.823</b>	<b>3.482.835.683</b>	<b>1.264.064.866</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.212.419.012</b>	<b>2.380.764.431</b>	<b>3.468.252.717</b>	<b>1.155.587.205</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	1.683.446.854	1.402.397.570	758.686.221	689.769.290
Phải trả người bán	312	18	505.190.383	360.346.998	2.317.038.316	308.277.667
Người mua trả tiền trước	313		14.490.437	7.993.844	9.559.959	5.211.677
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	560.603.580	218.696.878	276.248.369	27.591.202
Phải trả người lao động	315		11.965.824	5.810.189	10.825	38.423
Chi phí phải trả	316	20	394.648.118	356.982.285	106.541.318	124.245.773
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	31.349.049	24.598.656	167.709	453.173
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		10.724.767	3.938.011	-	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.645.622.693</b>	<b>2.809.644.392</b>	<b>14.582.966</b>	<b>108.477.661</b>
Phải trả dài hạn khác	333	22	14.582.966	3.965.976	14.582.966	3.965.976
Vay và nợ dài hạn	334	23	2.521.943.420	2.576.057.093	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	15	109.096.307	222.437.992	-	102.844.604
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	24	-	7.183.331	-	1.667.081
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>10.604.651.131</b>	<b>7.937.093.334</b>	<b>10.924.188.128</b>	<b>8.140.069.874</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>10.604.651.131</b>	<b>7.937.093.334</b>	<b>10.924.188.128</b>	<b>8.140.069.874</b>
Vốn cổ phần	411	26	5.025.000.000	2.500.000.000	5.025.000.000	2.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	26	3.111.514.809	3.111.514.809	3.111.514.809	3.111.514.809
Quỹ khác	413		(283.274.277)	(191.690.689)	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	414		18.324.741	-	-	-
Quỹ dự phòng tài chính	415		4.407.232	-	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.728.678.626	2.517.269.214	2.787.673.319	2.528.555.065
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>25</b>	<b>804.673.919</b>	<b>802.243.135</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>17.267.366.755</b>	<b>13.929.745.292</b>	<b>14.407.023.811</b>	<b>9.404.134.740</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ bao gồm trong tiền:				
▪ USD	101.103.070	100.776.208	298.054	196.738
▪ EUR	4.947	1.284.391	-	-

Người lập:



Phạm Đình Toại  
 Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Trương Công Thắng  
 Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012**

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>10.575.249.545</b>	<b>7.239.003.024</b>	<b>8.774.604.739</b>	<b>7.168.373.902</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>27</b>	<b>185.834.895</b>	<b>182.154.352</b>	<b>157.750.176</b>	<b>182.127.314</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>27</b>	<b>10.389.414.650</b>	<b>7.056.848.672</b>	<b>8.616.854.563</b>	<b>6.986.246.588</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>6.178.925.703</b>	<b>3.997.833.772</b>	<b>8.162.283.768</b>	<b>6.630.519.305</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>4.210.488.947</b>	<b>3.059.014.900</b>	<b>454.570.795</b>	<b>355.727.283</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.332.727.670	1.006.185.078	3.600.210.740	2.753.898.225
Chi phí tài chính	22	30	531.991.410	281.036.864	468.239.280	187.803.322
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>487.983.049</i>	<i>250.018.940</i>	<i>467.139.917</i>	<i>187.452.611</i>
Chi phí bán hàng	24		1.325.121.188	1.010.148.574	544.215.114	445.048.195
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		394.642.867	186.273.375	121.170.357	96.116.932
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>3.291.461.152</b>	<b>2.587.741.165</b>	<b>2.921.156.784</b>	<b>2.380.657.059</b>
Thu nhập khác	31	31	52.209.252	19.511.120	2.725.898	213.629
Chi phí khác	32	32	26.637.369	23.308.565	64.654	2.746.701
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>25.571.883</b>	<b>(3.797.445)</b>	<b>2.661.244</b>	<b>(2.533.072)</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết</b>	<b>41</b>		<b>2.555.287</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>3.319.588.322</b>	<b>2.583.943.720</b>	<b>2.923.818.028</b>	<b>2.378.123.987</b>
<b>Chi phí thuế TNDN – hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>593.858.061</b>	<b>204.280.677</b>	<b>273.388.070</b>	<b>20.353.260</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN – hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(124.578.798)</b>	<b>125.450.924</b>	<b>(124.013.698)</b>	<b>125.939.831</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang trang sau) (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>2.850.309.059</b>	<b>2.254.212.119</b>	<b>2.774.443.656</b>	<b>2.231.830.896</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang từ trang trước sang)</b>	60		2.850.309.059	2.254.212.119	2.774.443.656	2.231.830.896
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61		86.162.000	792.206	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		2.764.147.059	2.253.419.913	2.774.443.656	2.231.830.896
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đã điều chỉnh lại)	70	36	5.509	4.674	5.530	4.629

Người lập:

Phạm Đình Toại  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Trương Công Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
Lợi nhuận trước thuế	01		3.319.588.322	2.583.943.720	2.923.818.028	2.378.123.987
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		329.062.086	136.750.607	10.018.313	9.856.134
Các khoản dự phòng	03		40.921.593	86.341.534	1.319.671	1.437.637
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(204.365)	1.642.433	-	-
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05		4.908.672	4.968.036	(76.550)	(41.864)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(1.315.179.423)	(994.367.523)	(3.598.736.434)	(2.752.683.990)
Chi phí lãi vay	06		487.983.049	250.018.940	467.139.917	187.452.611
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	07		(2.555.287)	-	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.864.524.647</b>	<b>2.069.297.747</b>	<b>(196.517.055)</b>	<b>(175.855.485)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		112.185.501	120.370.049	(14.087.779)	128.336.983
Biến động hàng tồn kho	10		8.195.519	(173.350.509)	14.700.943	9.479.211
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		65.503.708	(64.408.161)	2.063.045.566	254.459.261
Biến động chi phí trả trước	12		9.649.163	-	(462.986)	-
			<b>3.060.058.538</b>	<b>1.951.909.126</b>	<b>1.866.678.689</b>	<b>216.419.970</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(349.394.940)	(177.919.702)	(107.382.192)	(55.929.068)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(212.074.304)	(148.611.055)	(13.973.366)	(33.065.588)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.282.821)	(11.478.786)	(2.026.709)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.479.306.473</b>	<b>1.613.899.583</b>	<b>1.743.296.422</b>	<b>127.425.314</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(861.222.393)	(558.264.950)	(6.215.877)	(7.838.787)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.023.051	2.406.498	87.895	53.303
Khoản vay cấp cho các công ty liên quan	23		-	(4.715.000.000)	-	(4.715.000.000)
Tiền thu hồi các khoản vay cấp cho các công ty liên quan	24		-	715.000.000	-	715.000.000
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	24		(32.652.669.566)	(46.457.051.914)	(10.130.300.000)	(32.613.223.672)
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24		31.316.669.566	46.145.051.914	8.809.000.000	32.777.023.672
Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con	25		-	-	(322.054.452)	(1.087.096.075)
Mua lợi ích thiểu số trong công ty con	25	5	(122.044.452)	-	-	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		293.351.760	486.079.545	1.175.696.400	436.637.302
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)			63.998	(808.827.785)	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.023.828.036)</b>	<b>(5.190.606.692)</b>	<b>(473.786.034)</b>	<b>(4.494.444.257)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		12.500.000	3.273.195.109	12.500.000	3.273.195.109
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		3.251.205.012	4.565.862.172	1.248.308.995	900.196.056
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.037.517.428)	(1.851.882.274)	(3.207.392.064)	(531.319.266)
Tiền chi trả cổ tức	36		(25.988.156)	-	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.799.800.572)</b>	<b>5.987.175.007</b>	<b>(1.946.583.069)</b>	<b>3.642.071.899</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

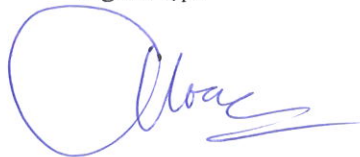
Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.344.322.135)	2.410.467.898	(677.072.681)	(724.947.044)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		4.730.726.781	2.299.221.316	1.548.283.789	2.273.230.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(2.819.635)	21.037.567	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5	3.383.585.011	4.730.726.781	871.211.108	1.548.283.789

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	Tập đoàn		Công ty	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Cổ tức do các công ty con trả/công bố và được thanh toán bằng cách cần trừ với các khoản phải trả cho công ty con	-	-	419.701.208	785.175.176
Thanh toán phí duy trì khoản vay bằng cách cần trừ với lãi tiền gửi phải thu từ công ty con	-	-	10.616.990	-
Chi phí giao dịch vay được cần trừ với thu nhập từ khoản vay	-	164.944.000	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	2.512.500.000	1.029.411.760	2.512.500.000	1.029.411.760

Người lập:



Phạm Đình Toại  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Trương Công Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc, xe ô tô, công cụ và dụng cụ, vật liệu, dụng cụ gia đình, máy vi tính; thiết bị văn phòng, thực phẩm, sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp, sản xuất và mua bán đồ uống không cồn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000082 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (“BKHDĐT”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy phép điều chỉnh (sau đây được gọi chung là “giấy chứng nhận”). Giấy chứng nhận có giá trị trong vòng 46 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đầu tiên.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm vốn cổ phần và quyền biểu quyết tại ngày	
		31/12/2012	31/12/2011
<b>Công ty con</b>			
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh thực phẩm	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan) (*)	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến) (*)	Sản xuất nước chấm	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (trước đây là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt) (*)	Sản xuất bao bì	100%	100%
Công ty Cổ phần Ma San PQ (*)	Sản xuất nước chấm	94,5%	94,5%
Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (trước đây là Công ty Cổ phần Ma San HD) (*)	Sản xuất mì ăn liền	100%	100%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (**)	Sản xuất đồ uống	53,20%	50,25%
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ (***)	Đầu tư tài chính	100%	-
<b>Công ty liên kết</b>			
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco) (***)	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	40%	-

(\*) Các công ty con này là gián tiếp thuộc sở hữu toàn bộ của Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(\*\*) Từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2012, Công ty đã mua thêm 2,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“Vinacafe”) với giá 122.044.452.490 VND làm vốn cổ phần của Công ty trong Vinacafe tăng từ 50,25% lên 53,20%.

(\*\*\*) Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ (“Hoa Mười Giờ”) được thành lập vào ngày 14 tháng 12 năm 2010. Tổng vốn góp và vốn pháp định của Công ty là 10.000.000 VND.

Vào ngày 1 tháng 10 năm 2012, Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ đã mua 40% cổ phần trong Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco) với giá 2.010.506.170.000 VND không bao gồm chi phí giao dịch. Cổ phần trong Proconco trước đây được nắm giữ bởi hai quỹ đầu tư là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Prudential Việt Nam và PCA International Funds SPC. Giao dịch mua Proconco được tài trợ bằng khoản vay với số tiền là 2.028.000 triệu VND được cung cấp bởi Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San cho Hoa Mười Giờ.

Vào ngày 11 tháng 10 năm 2012, Công ty đã mua 100% cổ phần của Hoa Mười Giờ từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San với giá 10 triệu VND. Đồng thời, Công ty đã ký một thỏa thuận với Công ty mẹ trong đó khoản vay với số tiền là 2.028.000 triệu VND được nêu trên sẽ được chuyển sang cho Công ty, dẫn đến Hoa Mười Giờ trở thành công ty con được sở hữu toàn bộ bởi Công ty và nợ khoản vay phải trả cho Công ty.

Tại ngày báo cáo này, khoản vay trên đã được Công ty thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San.

Tất cả các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 1.028 nhân viên (31/12/2011: 819 nhân viên) và Tập đoàn có 5.249 nhân viên (31/12/2011: 5.289 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

#### (a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

##### (i) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn giả định cho hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

##### (ii) Chính sách kế toán đối với hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Việc đánh giá sự kiểm soát, có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty bị mua được hợp nhất sử dụng giá trị hợp lý của chúng. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong phần giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

**(b) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iii) Lợi ích cổ đông thiểu số**

Đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, thì phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng cổ phần và tỉ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

**(i) Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư trong báo cáo tài chính riêng của Công ty. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 3 tháng tính từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá.

**(iii) Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác**

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc trên 12 tháng tính từ ngày giao dịch và được phản ánh theo nguyên giá.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 6 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

**(iii) Thương hiệu**

Giá mua của thương hiệu không phải là thương hiệu có được khi hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Giá trị hợp lý của thương hiệu có được khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu có được khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận như là một tài sản vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(iv) Quan hệ khách hàng**

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

**(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

**(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ trong vòng 2 năm.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại một công ty con từ bên thứ ba trong hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung và mua lại một công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(o) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty hoặc Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty và Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty hoặc Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty hoặc Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần, được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty hoặc Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty hoặc Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Tất cả các tài sản tài chính khác được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty hoặc Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các hợp đồng bảo lãnh đã phát hành được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính khác trên bảng cân đối kế toán được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(q) Vốn chủ sở hữu**

**(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(ii) Quỹ khác**

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số được ghi nhận vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

**(r) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ các khoản cho vay và các khoản thu nhập liên quan, cổ tức, và lãi chênh lệch tỷ giá.

Doanh thu lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và các chi phí liên quan và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản liên quan này.

**(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn và Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn và Công ty không có lãi suy giảm trên cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

**(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

**(w) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

**(x) Chi trả bằng cổ phiếu**

Các cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại các cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được Tập đoàn ghi nhận.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh của Tập đoàn thành 5 bộ phận kinh doanh chính là nước chấm, mì ăn liền, bao bì, đồ uống, thức ăn gia súc và bộ phận khác. Bộ phận khác chủ yếu là dầu ăn, một sản phẩm mới của Tập đoàn trong năm 2010 và đã tạm dừng sản xuất vào cuối năm 2011.

	Nước chấm		Mì ăn liền		Bao bì		Đồ uống		Thức ăn gia súc		Khác		Hợp nhất	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài – thuần	4.864.792.989	4.709.261.247	3.464.936.170	2.002.377.261	4.791	-	2.059.680.700	332.622.577	-	-	12.587.587	10.389.414.650	7.056.848.672	
Doanh thu giữa các bộ phận – thuần	(139.684.173)	(200.888.687)	(268.600.520)	(182.977.219)	408.284.693	383.865.906	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu của bộ phận – thuần</b>	<b>4.725.108.816</b>	<b>4.508.372.560</b>	<b>3.196.335.650</b>	<b>1.819.400.042</b>	<b>408.289.484</b>	<b>383.865.906</b>	<b>2.059.680.700</b>	<b>332.622.577</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>12.587.587</b>	<b>10.389.414.650</b>	<b>7.056.848.672</b>	
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.415.311.650	2.285.247.506	1.151.242.347	636.488.342	59.801.668	60.975.752	584.133.282	76.029.620	-	-	273.680	4.210.488.947	3.059.014.900	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.849.179.724	1.665.888.494	659.344.929	309.986.109	55.744.115	56.100.630	120.085.194	(4.106.912)	2.555.287	-	(2.868.090)	2.686.909.249	2.025.000.231	
Chi phí bán hàng không phân bổ												27.686.468	31.308.689	
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ												165.942.602	131.098.591	
Doanh thu hoạt động tài chính												1.332.727.670	1.006.185.078	
Chi phí tài chính												531.991.410	281.036.864	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh												3.294.016.439	2.587.741.165	
Thu nhập khác												52.209.252	19.511.120	
Chi phí khác												26.637.360	23.308.565	
Chi phí thuế TNDN												469.279.263	329.731.601	
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN												2.850.309.059	2.254.212.119	

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu của bộ phận trừ giá vốn hàng bán của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Chi phí không phân bổ là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ tập đoàn.

	Nước chấm		Mì ăn liền		Bao bì		Đồ uống		Thực ăn gia súc		Khác		Hợp nhất	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Tài sản bộ phận	987.479.869	983.214.758	552.967.243	438.316.806	195.468.758	138.683.512	1.962.025.844	1.797.763.957	1.967.387.118	-	-	963.355	5.665.328.832	3.358.942.388
Tài sản không phân bổ													11.602.037.923	10.570.802.904
<b>Tổng tài sản</b>													<b>17.267.366.755</b>	<b>13.929.745.292</b>
Nợ phải trả bộ phận	73.437.599	63.943.353	88.997.556	76.664.709	11.640.616	10.250.036	162.275.248	65.687.976	-	-	-	-	336.351.019	216.546.074
Các khoản nợ không phân bổ													5.521.690.686	4.973.862.749
<b>Tổng nợ phải trả</b>													<b>5.858.041.705</b>	<b>5.190.408.823</b>
Chi tiêu vốn	100.732.863	442.429.264	171.445.535	26.236.119	10.338.422	16.208.392	479.507.810	3.962.593	-	-	-	-	762.024.630	488.836.368
Khấu hao	59.860.413	25.317.653	44.552.650	41.132.964	22.373.675	21.066.860	31.169.865	3.580.511	-	-	-	-	157.956.603	91.097.988
Khấu hao tài sản cố định vô hình và lợi thế thương mại	560.742	592.336	1.685.612	1.641.785	76.262	76.262	120.659.039	24.688.947	-	-	-	-	122.981.655	26.999.330
Chi tiêu vốn không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	106.753.921	69.428.582

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Chi tiết các khoản tài sản không phân bổ và các khoản nợ không phân bổ như sau:

	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.383.585.011	4.730.726.781
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.772.500.000	802.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	93.650.207	2.422.048.643
Hàng tồn kho	60.382.666	53.192.537
Tài sản khác	169.314.562	120.436.509
Tài sản cố định	242.561.645	138.670.851
Tài sản dài hạn	5.880.043.832	2.303.727.583
	<hr/>	<hr/>
Tài sản không phân bổ	11.602.037.923	10.570.802.904
	<hr/>	<hr/>
Vay và nợ ngắn hạn	1.683.446.854	1.402.397.570
Phải trả người bán	309.145.587	243.995.255
Người mua trả tiền trước	9.578.084	5.381.811
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	537.941.456	218.696.878
Phải trả người lao động	38.061	38.423
Chi phí phải trả	307.148.429	297.199.624
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	28.769.522	1.119.283
	<hr/>	<hr/>
Nợ ngắn hạn	2.876.067.993	2.168.828.844
	<hr/>	<hr/>
Vay và nợ dài hạn	2.521.943.420	2.576.057.093
Phải trả dài hạn khác	14.582.966	3.965.976
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	109.096.307	222.437.992
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	2.572.844
	<hr/>	<hr/>
Vay và nợ dài hạn	2.645.622.693	2.805.033.905
	<hr/>	<hr/>
Các khoản nợ không phân bổ	5.521.690.686	4.973.862.749
	<hr/>	<hr/>

**(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

## **5. Mua cổ phần**

### **(a) Mua lại Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ - giao dịch chịu sự kiểm soát chung**

Vào ngày 11 tháng 10 năm 2012, Công ty đã mua 100% cổ phần của Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ (“Hoa Mười Giờ”) từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San với giá tương đương 10.000.000 VND không bao gồm chi phí giao dịch.

Việc mua lại này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ trước mua lại VND'000</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.998
Tài sản ngắn hạn khác	529.242
Đầu tư vào công ty liên kết	2.015.747.859
Nợ phải trả ngắn hạn	(2.034.260.699)
	<hr/>
Tổng giá trị thuần có thể xác định được của nợ phải trả đã mua	(17.909.600)
	<hr/>
Giá thanh toán	10.000
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận vào quỹ khác	17.919.600
	<hr/> <hr/>

Hoa Mười Giờ là một công ty đầu tư. Thông qua hoạt động đầu tư, Tập đoàn đã mua 40% cổ phần trong Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco).

Lợi nhuận sau thuế của Hoa Mười Giờ sau khi mua lại là 5.477 triệu VND.

Lỗ thuần sau thuế của Hoa Mười Giờ trước khi mua lại là 17.918 triệu VND.

### **(b) Mua cổ phần trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa**

Quyền sở hữu trực tiếp 50,25% của Công ty trong Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa (“Vinacafe”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã tăng lên 53,2% do Công ty đã mua thêm 2,95% cổ phần của Vinacafe như sau:

- Từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 đến ngày 12 tháng 10 năm 2012, Công ty đã mua thêm 574.490 cổ phiếu của Vinacafe, với tổng giá trị tương đương 89.492 triệu VND.
- Từ ngày 25 tháng 10 năm 2012 đến ngày 31 tháng 10 năm 2012, Công ty đã mua thêm 55.880 cổ phiếu của Vinacafe, với tổng giá trị tương đương 8.448 triệu VND.
- Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã mua thêm 155.280 cổ phiếu của Vinacafe, với tổng giá trị tương đương 24.104 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Việc mua lại này có các ảnh hưởng như sau:

	VND'000
Chi phí mua lại	122.044.452
Tài sản thuần được mua	(48.380.464)
	<hr/>
Chênh lệch ghi nhận vào quỹ khác	73.663.988
	<hr/>
	VND'000
Chi phí mua lại bao gồm:	
Tiền mặt đã thanh toán	122.044.452
	<hr/>

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Tiền mặt	1.826.091	2.317.064	1.058.950	495.902
Tiền gửi ngân hàng	67.025.939	51.985.286	16.652.158	18.587.887
Các khoản tương đương tiền	3.314.732.981	4.676.424.431	853.500.000	1.529.200.000
	<hr/>			
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	3.383.585.011	4.730.726.781	871.211.108	1.548.283.789
	<hr/>			

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng VND và USD và có lãi suất năm lần lượt là 8% đến 9% đối với tiền gửi bằng VND và 0,5% đối với tiền gửi bằng USD (2011: 14% một năm đối với tiền gửi bằng VND và 0,5% một năm đối với tiền gửi bằng USD).

**7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn**

Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
<b>Phải thu từ các công ty con</b>				
Thương mại	-	-	9.472.110	1.043
	<hr/>			

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, công ty mẹ				
▪ Khoản cho vay phải thu	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
▪ Lãi dự thu	-	261.698.630	-	261.698.630
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty con				
▪ Cổ tức phải thu	-	-	1.962.010.262	1.029.560.503
▪ Khoản cho vay phải thu	-	-	2.055.330.695	27.330.695
▪ Lãi dự thu	-	-	79.073.011	-
▪ Lãi tiền gửi phải thu	-	-	-	3.965.976
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác	-	99.963	-	-
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco)	64.000.000	-	-	-
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	79.694.131	24.065.308	58.312.208	13.122.361
Phải thu khác	9.833.641	2.867.933	514.525	56.510
	<b>153.527.772</b>	<b>2.288.731.834</b>	<b>4.155.240.701</b>	<b>3.335.734.675</b>

Khoản cho phải thu ngắn hạn bằng VND từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San không có đảm bảo và chịu lãi suất năm là 13% trong năm (2011: từ 15% một năm đến 18% một năm). Vào ngày 1 tháng 1 năm 2012, Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San đã ký một hợp đồng điều chỉnh trong đó thời hạn của khoản vay này được gia hạn đến 4 năm tính từ ngày giải ngân là ngày 24 tháng 3 năm 2011. Lãi suất mới được thỏa thuận 13% một năm cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các khoản cho vay ngắn hạn phải thu từ các công ty con bao gồm 2 khoản vay. Khoản vay 1 với số tiền là 2.028.000 triệu VND là khoản vay không có đảm bảo và chịu lãi suất năm là 12% trong năm. Khoản vay 2 với số tiền là 27.331 triệu VND là khoản vay không bảo đảm và không chịu lãi.

Các khoản phải thu phi thương mại còn lại từ các công ty con và công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, công ty mẹ				
▪ Khoản cho vay phải thu	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000
▪ Lãi dự thu	964.420.124	134.440.274	964.420.124	134.440.274
▪ Phí duy trì khoản vay phải thu	482.583.082	125.721.232	482.583.082	125.721.232
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	23.157.903	-	14.832.125	-
	5.470.161.109	2.260.161.506	5.461.835.331	2.260.161.506

Khoản cho vay dài hạn phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San bao gồm 2 khoản cho vay dài hạn với số tiền là 2.000 tỷ VND đối với từng khoản cho vay. Các khoản cho vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất năm là 13% trong năm (2011: 15% và 18% một năm). Các khoản vay đáo hạn sau 4 và 5 năm tính từ ngày giải ngân lần lượt là 24 tháng 3 năm 2011 và ngày 17 tháng 8 năm 2011. Lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của hợp đồng vay.

Phí duy trì khoản vay phải thu được tính ở mức 15% một năm trên hạn mức cho vay không có đảm bảo là 108 triệu USD, được cấp cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, khoản cho vay này chưa được giải ngân bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 15% một năm).

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư đầu năm	1.083.816	704.511	824.837	549.777
Tăng dự phòng trong năm	143.814	379.305	-	275.060
Sử dụng dự phòng trong năm	(832.368)	-	(824.837)	-
Hoàn nhập	(17.494)	-	-	-
Số dư cuối năm	377.768	1.083.816	-	824.837

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan) (Thuyết minh 17 và 23).



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**8. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Hàng mua đang đi trên đường	15.348.733	31.028.273	-	10.781.170
Nguyên vật liệu	396.320.672	403.163.681	15.406.738	9.088.959
Công cụ và dụng cụ	26.793.824	7.736.864	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	88.448.423	64.939.175	-	-
Thành phẩm	48.912.429	118.879.002	-	1.924.224
Hàng hóa	22.030	-	22.031.629	32.022.455
	575.846.111	625.746.995	37.438.367	53.816.808
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.990.882)	(12.900.974)	(395.463)	(753.290)
	563.855.229	612.846.021	37.042.904	53.063.518

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư đầu năm	12.900.974	6.347.188	753.290	190.197
Tăng dự phòng trong năm	46.618.335	86.429.983	1.555.596	1.162.577
Sử dụng dự phòng trong năm	(41.705.365)	(79.408.443)	(1.677.498)	(599.484)
Hoàn nhập	(5.823.062)	(467.754)	(235.925)	-
Số dư cuối năm	11.990.882	12.900.974	395.463	753.290

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, một số hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San) (Thuyết minh 17 và 23).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**9. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Nhà cửa VND'000</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	244.496.621	6.665.358	26.531.913	859.205.757	18.003.595	1.154.903.244
Tăng trong năm	14.908.133	111.895	4.812.988	51.287.166	3.331.605	74.451.787
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	206.215.838	663.818	8.143.630	554.776.080	84.000	769.883.366
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(6.558.548)	-	-	(2.119.850)	-	(8.678.398)
Thanh lý	(5.918.770)	-	(937.699)	(11.017.843)	(366.468)	(18.240.780)
Xóa sổ	(134.901)	-	(125.454)	(1.257.090)	-	(1.517.445)
Phân loại lại	702.081	-	(2.861.159)	2.147.978	11.100	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>453.710.454</b>	<b>7.441.071</b>	<b>35.564.219</b>	<b>1.453.022.198</b>	<b>21.063.832</b>	<b>1.970.801.774</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	35.161.479	4.326.776	14.109.321	246.468.002	11.509.268	311.574.846
Khấu hao trong năm	21.563.244	2.346.880	6.430.140	143.289.515	2.364.196	175.993.975
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(130.285)	-	-	(1.589.964)	-	(1.720.249)
Thanh lý	(2.900.626)	-	(895.259)	(7.148.162)	(365.010)	(11.309.057)
Xóa sổ	(134.901)	-	(125.454)	(1.257.090)	-	(1.517.445)
Phân loại lại	397.845	-	(1.857.279)	1.455.549	3.885	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.956.756</b>	<b>6.673.656</b>	<b>17.661.469</b>	<b>381.217.850</b>	<b>13.512.339</b>	<b>473.022.070</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	209.335.142	2.338.582	12.422.592	612.737.755	6.494.327	843.328.398
Số dư cuối năm	399.753.698	767.415	17.902.750	1.071.804.348	7.551.493	1.497.779.704

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 71.270 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 34.284 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 613.304 triệu VND (31/12/2011: 312.378 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 24.138 triệu VND (31/12/2011: 23.946 triệu VND).

Giá trị ghi sổ của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 35.566 triệu VND (31/12/2011: 7.914 triệu VND).

Công ty	Nhà cửa VND'000	Nâng cấp tài sản thuê VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	403.358	6.665.358	11.745.292	6.594.727	10.647.388	36.056.123
Tăng trong năm	-	111.895	2.234.724	489.255	256.881	3.092.755
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	325.972	663.818	281.933	1.452.343	-	2.724.066
Thanh lý	-	-	(194.327)	(10.092)	(331.484)	(535.903)
Xóa sổ	-	-	(94.867)	-	-	(94.867)
Phân loại lại	702.081	-	(2.861.159)	2.147.978	11.100	-
Số dư cuối năm	1.431.411	7.441.071	11.111.596	10.674.211	10.583.885	41.242.174
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	179.270	4.326.776	6.258.831	1.999.807	8.465.214	21.229.898
Khấu hao trong năm	113.037	2.346.880	2.818.374	1.501.095	1.029.900	7.809.286
Thanh lý	-	-	(185.757)	(7.317)	(331.484)	(524.558)
Xóa sổ	-	-	(94.867)	-	-	(94.867)
Phân loại lại	397.846	-	(1.857.280)	1.455.549	3.885	-
Số dư cuối năm	690.153	6.673.656	6.939.301	4.949.134	9.167.515	28.419.759
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	224.088	2.338.582	5.486.461	4.594.920	2.182.174	14.826.225
Số dư cuối năm	741.258	767.415	4.172.295	5.725.077	1.416.370	12.822.415

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 9.479 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 5.689 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**10. Tài sản cố định vô hình**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Quyền sử dụng đất VND'000</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>	<b>Thương hiệu VND'000</b>	<b>Quan hệ khách hàng VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	142.624.698	8.982.999	544.435.586	320.647.475	1.016.690.758
Tăng trong năm	-	403.812	-	-	403.812
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.732.501	171.882	-	-	1.904.383
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>144.357.199</b>	<b>9.558.693</b>	<b>544.435.586</b>	<b>320.647.475</b>	<b>1.018.998.953</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	12.052.990	4.875.264	9.422.411	10.688.249	37.038.914
Khấu hao trong năm	3.867.178	2.093.523	54.505.097	64.129.496	124.595.294
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.920.168</b>	<b>6.968.787</b>	<b>63.927.508</b>	<b>74.817.745</b>	<b>161.634.208</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	130.571.708	4.107.735	535.013.175	309.959.226	979.651.844
Số dư cuối năm	128.437.031	2.589.906	480.508.078	245.829.730	857.364.745

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 1.931 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 24 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 53.659 triệu VND (31/12/2011: 55.088 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

<b>Công ty</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>	<b>Thương hiệu VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	8.894.313	636.364	9.530.677
Tăng trong năm	403.812	-	403.812
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	171.882	-	171.882
Số dư cuối năm	9.470.007	636.364	10.106.371
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.801.396	359.091	5.160.487
Khấu hao trong năm	2.083.852	125.175	2.209.027
Số dư cuối năm	6.885.248	484.266	7.369.514
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	4.092.917	277.273	4.370.190
Số dư cuối năm	2.584.759	152.098	2.736.857

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 1.868 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: không).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Số dư đầu năm	577.188.957	292.418.033	959.466	-
Mua công ty con	-	4.273.406	-	-
Tăng trong năm	874.241.502	489.763.436	2.719.310	2.626.941
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(769.883.366)	(207.173.843)	(2.724.066)	(1.667.475)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.904.383)	-	(171.882)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(7.782.098)	(2.092.075)	(58.025)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>671.860.612</b>	<b>577.188.957</b>	<b>724.803</b>	<b>959.466</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Nâng cấp tài sản thuê	724.803	959.466	724.803	959.466
Nhà cửa	347.254.925	4.712.118	-	-
Máy móc và thiết bị	321.312.369	570.451.094	-	-
Tài sản cố định hữu hình khác	2.568.515	1.066.279	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>671.860.612</b>	<b>577.188.957</b>	<b>724.803</b>	<b>959.466</b>

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 33.156 triệu VND (2011: 33.285 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**12. Các khoản đầu tư tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
<b>Các khoản đầu tư dài hạn</b>				
Đầu tư vào các công ty con	-	-	2.088.173.387	1.766.118.935
Đầu tư vào công ty liên kết	1.967.387.118	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	365.500.000	-	234.500.000	-
	2.332.887.118	-	2.322.673.387	1.766.118.935
<b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.772.500.000	802.000.000	1.413.000.000	326.200.000

Chi tiết của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>31/12/2012 VND'000</b>	<b>31/12/2011 VND'000</b>
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	1.209.140.528	1.087.096.076
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San	879.022.859	679.022.859
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ	10.000	-
	2.088.173.387	1.766.118.935

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là các khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất giao động từ 9% đến 11,5% (2011: 14%) một năm trong năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi với thời gian đáo hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn có gốc bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất là 11% một năm trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản đầu tư vào các công ty con với giá trị ghi sổ là 879.033 triệu VND (31/12/2011: 679.023 triệu VND) và vào công ty liên kết được thế chấp cho ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

### **13. Các công ty trong Tập đoàn**

Sau đây là chi tiết các công ty con và công ty liên kết được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan)	Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến)	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt)	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	261 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Ma San HD)	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ	Tầng 12, Kumho Asiana Plaza Saigon – số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco)	Đường số 9, Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

<b>Tập đoàn</b>	<b>Chi phí đất trả trước VND'000</b>	<b>Trực in VND'000</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
Số dư đầu năm	2.346.344	564.167	3.463.962	6.374.473
Tăng trong năm	-	3.376.642	4.179.517	7.556.159
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	7.782.098	7.782.098
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	6.958.149	6.958.149
Phân bổ trong năm	(2.286.309)	(3.232.171)	(4.238.114)	(9.756.594)
Số dư cuối năm	60.035	708.638	18.145.612	18.914.285
<b>Công ty</b>			<b>Công cụ và dụng cụ VND'000</b>	
Số dư đầu năm			142.493	
Tăng trong năm			494.227	
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang			58.025	
Phân bổ trong năm			(352.826)	
Số dư cuối năm			341.919	

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

(i) *Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận*

Tập đoàn	31/12/2012		31/12/2011	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	206.209	-
Chiết khấu thương mại phải trả	9.132.553	-	17.468.940	-
Chi phí vận chuyển phải trả	6.677.045	-	7.425.632	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	14.193.438	-	21.740.341	-
Chi phí phải trả khác	4.040.962	-	5.518.582	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	1.990.946	-	3.591.440	-
Tài sản cố định hữu hình	-	(11.330.275)	-	(12.808.137)
Tài sản cố định vô hình	-	(97.766.032)	-	(106.785.251)
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	(68.957.541)
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	(65.040.376)
	36.034.944	(109.096.307)	55.951.144	(253.591.305)
Cán trừ thuế	-	-	(31.153.313)	31.153.313
	36.034.944	(109.096.307)	24.797.831	(222.437.992)
<b>Công ty</b>				
	31/12/2012		31/12/2011	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND'000	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND'000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	206.209	-
Chiết khấu thương mại phải trả	9.132.553	-	17.468.940	-
Chi phí vận chuyển phải trả	6.311.888	-	7.363.105	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi phải trả	4.970.204	-	4.184.396	-
Chi phí phải trả khác	754.449	-	1.678.371	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	-	-	(68.705.249)
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	(65.040.376)
	21.169.094	-	30.901.021	(133.745.625)
Cán trừ thuế	-	-	(30.901.021)	30.901.021
	21.169.094	-	-	(102.844.604)

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**16. Lợi thế thương mại**

	<b>VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	284.728.173
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	7.623.181
Khấu hao trong năm	28.472.817
	<hr/>
Số dư cuối năm	36.095.998
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	277.104.992
Số dư cuối năm	248.632.175
	<hr/>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**17. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Vay ngắn hạn	1.540.393.217	1.298.728.337	758.686.221	689.769.290
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	143.053.637	103.669.233	-	-
	<b>1.683.446.854</b>	<b>1.402.397.570</b>	<b>758.686.221</b>	<b>689.769.290</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa (năm)	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
		31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND 8,2% - 13,0%	1.540.393.217	815.822.006	758.686.221	208.399.128	
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD 6,5%	-	1.536.169	-	-	
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND 15,7% - 18,0%	-	481.370.162	-	481.370.162	
		<b>1.540.393.217</b>	<b>1.298.728.337</b>	<b>758.686.221</b>	<b>689.769.290</b>	

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo được đảm bảo bằng một số khoản phải thu khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 26,25 triệu USD, tương đương 546.000 triệu VND (31/12/2011: 5 triệu USD, tương đương 104.140 triệu VND) và các tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 666.963 triệu VND (31/12/2011: 367.466 triệu VND). Một phần của các tài sản cố định này với giá trị ghi sổ là 632.006 triệu VND cũng được dùng để đảm bảo cho khoản vay dài hạn và do đó cũng bao gồm trong giá trị tài sản đảm bảo được trình bày trong Thuyết minh 23.

**18. Các khoản phải trả người bán**

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
<b>Phải trả các công ty con</b>				
Thương mại	-	-	2.228.471.324	246.244.800
<b>Phải trả các công ty liên quan khác</b>				
Thương mại	6.336.536	3.397.383	4.993.289	2.433.783
	<b>6.336.536</b>	<b>3.397.383</b>	<b>2.233.464.613</b>	<b>248.678.583</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	32.660.367	41.071.216	-	10.492.903
Thuế xuất nhập khẩu	11.230.283	14.810.029	431.369	418.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	513.890.172	159.796.380	273.163.504	13.748.800
Thuế thu nhập cá nhân	2.802.011	348.223	2.653.496	259.815
Các loại thuế khác	20.747	2.671.030	-	2.671.031
	560.603.580	218.696.878	276.248.369	27.591.202

**20. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Chi phí vận chuyển	30.614.978	29.702.527	25.247.552	29.452.419
Thưởng và lương tháng 13	45.011.058	28.645.606	17.726.712	8.145.920
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	139.125.019	177.363.881	25.845.496	16.737.586
Chiết khấu thương mại	41.187.829	69.875.761	36.530.214	69.875.761
Chi phí lãi vay	68.028.786	8.141.270	1.191.344	-
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	28.138.649	13.616.201	-	-
Chi phí khác	42.541.799	29.637.039	-	34.087
	394.648.118	356.982.285	106.541.318	124.245.773

**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Kinh phí công đoàn	1.201.954	517.991	-	-
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	233.460	1.066.146	148.095	10.550
Tiền ký quỹ ngắn hạn từ khách hàng	480.000	19.705.000	-	-
Phải trả phi thương mại cho các bên liên quan khác	-	26.573	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.433.635	3.282.946	19.614	442.623
	31.349.049	24.598.656	167.709	453.173

Khoản phải trả phi thương mại cho các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**22. Phải trả dài hạn khác**

Phải trả dài hạn khác chủ yếu là khoản lãi tiền gửi phải trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San. Khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả vào ngày 17 tháng 8 năm 2014.

**23. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
Vay dài hạn	2.664.997.057	2.679.726.326	-	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 17)	(143.053.637)	(103.669.233)	-	-
Hoàn trả sau 12 tháng	2.521.943.420	2.576.057.093	-	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa (năm)	Năm đáo hạn	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
			31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000	
<b>Vay dài hạn</b>							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	14,1% - 20%	2013-2017	418.597.057	430.302.326	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 7%	2014	2.246.400.000	2.249.424.000	-	-
				2.664.997.057	2.679.726.326	-	-

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo có gốc tiền tệ bằng VND với số tiền là 418.597 triệu VND được đảm bảo bằng một số tài sản cố định có giá trị ghi sổ là 632.006 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (31/12/2011: 310.560 triệu VND).

Khoản vay ngân hàng có đảm bảo có gốc tiền tệ bằng USD với số tiền tương đương 2.246.400 triệu VND được đảm bảo bằng khoản đầu tư vào các công ty con với giá trị 879.033 triệu VND (31/12/2011: 679.023 triệu VND) và khoản đầu tư vào công ty liên kết. Khoản vay chịu lãi suất năm là lãi suất Libor cộng 3,5% một năm trong năm đầu tiên, Libor cộng 7,0% một năm trong năm thứ hai và Libor cộng 10,0% một năm trong năm thứ ba sau khi giải ngân. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hoàn trả một lần vào ngày đáo hạn. Hợp đồng vay này có hiệu lực trong 36 tháng. Tập đoàn có quyền gia hạn khoản vay sau tháng thứ 12, 18, 24 và 30 với việc thanh toán phí gia hạn là 56.797 triệu VND đối với mỗi lần gia hạn.

Trong năm, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**24. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u> 2012 VND'000	<u>Công ty</u> 2012 VND'000
Số dư đầu năm	7.183.331	1.667.081
Dự phòng lập trong năm	731.620	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(754.463)	(79.949)
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(7.160.488)	(1.587.132)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	-

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn và Công ty đã đóng lần lượt 4.295 triệu VND và 1.389 triệu VND (2011: 2.945 triệu VND và 1.008 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**25. Thay đổi vốn chủ sở hữu và lợi ích cổ đông thiểu số**

Tập đoàn	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Quỹ khác VND'000	Quỹ đầu tư và phát triển VND'000	Quỹ dự phòng dự phòng tài chính VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng vốn chủ sở hữu VND'000	Lợi ích cổ đông thiểu số VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.300.000.000	8.907.940	(191.690.689)	-	-	1.299.948.816	2.417.166.067	1.089.156	2.418.255.223
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	1.029.411.760	-	-	-	-	(1.029.411.760)	-	-	-
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 26)	170.588.240	3.102.606.869	-	-	-	-	3.273.195.109	-	3.273.195.109
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua lại	-	-	-	-	-	-	-	800.369.643	800.369.643
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	-	-	-	-	-	2.253.419.913	2.253.419.913	792.206	2.254.212.119
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	(6.687.755)	(6.687.755)	(7.870)	(6.695.625)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>3.111.514.809</b>	<b>(191.690.689)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.517.269.214</b>	<b>7.937.093.334</b>	<b>802.243.135</b>	<b>8.739.336.469</b>
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 26)	12.500.000	-	-	-	-	-	12.500.000	-	12.500.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	2.512.500.000	-	-	-	-	(2.512.500.000)	-	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(25.988.156)	(25.988.156)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	18.324.741	4.407.232	(22.731.973)	(15.726.702)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.778.972)	(1.778.972)	(1.760.863)	(3.539.835)
Thanh toán thù lao cho Hội đồng Quản trị của công ty con	-	-	-	-	-	2.764.147.059	2.764.147.059	86.162.000	2.850.309.059
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Mua công ty con – giao dịch chịu sự kiểm soát chung	-	-	(17.919.600)	-	-	-	(17.919.600)	-	(17.919.600)
Mua thêm cổ phần của công ty con	-	-	(73.663.988)	-	-	-	(73.663.988)	(48.380.464)	(122.044.452)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>5.025.000.000</b>	<b>3.111.514.809</b>	<b>(283.274.277)</b>	<b>18.324.741</b>	<b>4.407.232</b>	<b>2.728.678.626</b>	<b>10.604.651.131</b>	<b>804.673.919</b>	<b>11.409.325.050</b>



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Công ty	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	1.300.000.000	8.907.940	1.326.135.929	2.635.043.869
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	1.029.411.760	-	(1.029.411.760)	-
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 26)	170.588.240	3.102.606.869	-	3.273.195.109
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	2.231.830.896	2.231.830.896
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	2.500.000.000	3.111.514.809	2.528.555.065	8.140.069.874
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 26)	12.500.000	-	-	12.500.000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 26)	2.512.500.000	-	(2.512.500.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.825.402)	(2.825.402)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	2.774.443.656	2.774.443.656
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	5.025.000.000	3.111.514.809	2.787.673.319	10.924.188.128

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**26. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	502.500.000	5.025.000.000	250.000.000	2.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	502.500.000	5.025.000.000	250.000.000	2.500.000.000
<b>Vốn cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	502.500.000	5.025.000.000	250.000.000	2.500.000.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	3.111.514.809	-	3.111.514.809

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phân chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND'000	Số lượng cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	250.000.000	2.500.000.000	130.000.000	1.300.000.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	1.250.000	12.500.000	17.058.824	170.588.240
Cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm	251.250.000	2.512.500.000	102.941.176	1.029.411.760
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>502.500.000</b>	<b>5.025.000.000</b>	<b>250.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**27. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	10.575.020.585	7.238.993.731	8.767.253.662	7.156.610.699
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	228.960	9.293	7.351.077	11.763.203
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu				
▪ Chiết khấu thương mại	(150.242.775)	(119.855.867)	(130.762.251)	(119.855.867)
▪ Hàng bán bị trả lại	(35.592.120)	(62.298.485)	(26.987.925)	(62.271.447)
Doanh thu thuần	10.389.414.650	7.056.848.672	8.616.854.563	6.986.246.588

**28. Giá vốn hàng bán**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	6.138.130.430	3.911.871.543	8.160.964.097	6.629.356.728
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	40.795.273	85.962.229	1.319.671	1.162.577
	6.178.925.703	3.997.833.772	8.162.283.768	6.630.519.305

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	372.138.486	451.398.381	255.554.251	391.013.193
Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	-	-	61.175.144	-
Thu nhập lãi từ các khoản vay	17.897.867	-	17.897.867	-
Thu nhập lãi từ khoản cho công ty mẹ vay	925.143.070	542.969.142	925.143.070	542.969.142
Thu nhập lãi tiền gửi từ công ty con	-	-	10.616.990	3.965.976
Thu nhập cổ tức từ công ty con	-	-	2.328.349.112	1.814.735.679
Lãi chênh lệch tỷ giá	14.612.034	10.878.541	1.474.306	1.214.235
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.936.213	939.014	-	-
	<b>1.332.727.670</b>	<b>1.006.185.078</b>	<b>3.600.210.740</b>	<b>2.753.898.225</b>

**30. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Chi phí lãi vay	487.983.049	250.018.940	467.139.917	187.452.611
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.512.301	9.982.281	1.099.363	350.711
Thuế nhà thầu trên chi phí lãi vay và phí gia hạn khoản vay	15.388.894	6.808.387	-	-
Chi phí tài chính khác	22.107.166	14.227.256	-	-
	<b>531.991.410</b>	<b>281.036.864</b>	<b>468.239.280</b>	<b>187.803.322</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**31. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định	2.023.051	2.406.498	87.895	53.303
Thu từ bán phế liệu	20.630.373	13.747.057	-	-
Thuế nhập khẩu hoàn lại	18.977.397	2.351.717	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc hoàn nhập	7.160.488	-	1.587.132	-
Thu nhập khác	3.417.943	1.005.848	1.050.871	160.326
	<b>52.209.252</b>	<b>19.511.120</b>	<b>2.725.898</b>	<b>213.629</b>

**32. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	6.931.723	7.374.534	11.345	11.439
Chi phí bán phế liệu	15.758.613	12.392.630	-	-
Phạt thuế	2.079.556	3.314.839	1.320	2.671.031
Chi phí khác	1.867.477	226.562	51.989	64.231
	<b>26.637.369</b>	<b>23.308.565</b>	<b>64.654</b>	<b>2.746.701</b>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

### 33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000	2011 VND'000
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Năm hiện hành	601.604.877	199.849.398	273.224.034	16.035.611
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(7.746.816)	4.431.279	164.036	4.317.649
	593.858.061	204.280.677	273.388.070	20.353.260
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(124.578.798)	125.450.924	(124.013.698)	125.939.831
	(124.578.798)	125.450.924	(124.013.698)	125.939.831
Chi phí thuế thu nhập	469.279.263	329.731.601	149.374.372	146.293.091

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

<u>Tập đoàn</u>	<b>2012</b>		<b>2011</b>	
	%	VND'000	%	VND'000
Lợi nhuận trước thuế		3.319.588.322		2.583.943.720
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25,00%	829.897.081	25,00%	645.985.930
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(11,02%)	(365.780.556)	(13,07%)	(337.836.362)
Thu nhập không bị tính thuế	(0,02%)	(638.822)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,41%	13.548.376	0,66%	17.150.754
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(0,23%)	(7.746.816)	0,17%	4.431.279
	14,14%	469.279.263	12,76%	329.731.601

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**33. Thuế thu nhập (tiếp theo)**

Công ty	2012		2011	
	%	VND'000	%	VND'000
Lợi nhuận trước thuế (*)		2.923.818.028		2.378.123.987
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25,00%	730.954.507	25,00%	594.530.997
Thu nhập không bị tính thuế	(19,91%)	(582.087.278)	(19,08%)	(453.683.920)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,01%	343.107	0,05%	1.128.365
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,01%	164.036	0,18%	4.317.649
	5,11%	149.374.372	6,15%	146.293.091

(\*) Lợi nhuận trước thuế của Công ty bao gồm khoản thu nhập từ cổ tức không chịu thuế là 2.328.349 triệu VND (2011: 1.814.736 triệu VND).

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận chịu thuế. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, do thay đổi trong luật thuế thu nhập nên thuế suất thuế thu nhập của Công ty được giảm từ 28% xuống 25%.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau cho phép một số công ty con được hưởng mức miễn giảm thuế cao hơn.

**(d) Các khoản thuế tiềm ẩn**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**34. Các giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan**

Ngoài các số dư với các công ty liên quan và các giao dịch với các công ty liên quan được trình bày trong thuyết minh khác trong các báo cáo tài chính này, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các công ty liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn	Tinh chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2012 VND'000	2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
<b>Bên liên quan</b>					
<b>Công ty mẹ</b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	Thu lãi từ các khoản cho vay	568.281.220	417.247.910	964.420.124	396.138.904
	Phí duy trì khoản vay phải thu	356.861.850	125.721.232	482.583.082	125.721.232
	Chi phí lãi vay	(60.898.436)	-	-	-
	Thu nhập lãi tiền gửi phải trả	(10.616.990)	(3.965.976)	(14.582.966)	(3.965.976)
	Thu hồi khoản cho vay	2.028.000.000	715.000.000	-	-
	Khoản cho vay đã cấp	(2.028.000.000)	(4.715.000.000)	4.000.000.000	4.000.000.000
	Mua công ty con	10.000	-	-	-
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia Súc (Proconco)	Cổ tức	64.000.000	-	64.000.000	-



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tập đoàn	Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
			2012 VND'000	2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
<b>Các bên liên quan khác</b>						
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu Ma San	Phí bảo dưỡng Mua máy vi tính	(12.990.442) (12.328)	(10.937.278) (2.504.872)	(6.336.536) -	(3.397.383) -
	Công ty Bất động sản Masan	Bán tài sản cố định Phí dịch vụ và ứng trước Chi phí sửa chữa Doanh thu cho thuê	32.155 (13.458.962) - -	- (12.513.440) (283.127) 90.876	- - - -	- 1.853.000 (26.573) 99.963
<b>Các thành viên Ban Giám đốc</b>						
	Ban Giám đốc	Chi trả tiền lương cho Ban Giám đốc	1.804.005	2.502.051	-	-

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Công ty	Bên liên quan	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31/12/2011 VND'000
			2012 VND'000	2011 VND'000	
<b>Công ty mẹ</b>					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San		Thu lãi từ các khoản cho vay	568.281.220	417.247.910	396.138.904
		Phí duy trì khoản vay phải thu	356.861.850	125.721.232	125.721.232
		Chi phí lãi vay	(60.898.436)	-	-
		Thu nhập lãi tiền gửi phải trả	(10.616.990)	(3.965.976)	(3.965.976)
		Thu hồi khoản cho vay	2.028.000.000	715.000.000	-
		Khoản cho vay đã cấp	(2.028.000.000)	(4.715.000.000)	4.000.000.000
		Mua công ty con	10.000	-	-
<b>Các công ty con</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San		Thu nhập cổ tức (*)	1.962.010.262	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt)		Bán hàng hóa	99.426	-	-
		Mua công cụ và dụng cụ	-	(105.605)	-
		Thu phí quản lý và phí dịch vụ	-	545.930	-
		Thu nhập cổ tức (*)	-	50.193.102	50.193.102
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan)		Bán hương liệu và phí trộn hương liệu	264.802.146	267.809.624	-
		Mua hàng hóa	(5.198.386.877)	(4.506.293.193)	-
		Phí duy trì khoản vay phải trả	(349.785.726)	(125.299.144)	-
		Thu phí quản lý và phí dịch vụ	4.391.377	7.401.140	-
		Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	10.616.990	3.965.976	3.965.976
		Thu nhập cổ tức (*)	339.168.736	1.358.601.010	806.444.160

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Công ty	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
		2012 VND'000	2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
<b>Bên liên quan</b>					
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến)	Mua hàng hóa Bán hương liệu và phí trộn hương liệu Thu phí quản lý và phí dịch vụ Thu nhập cổ tức (*)	(1.076.275.732) 21.108.871 2.349.957 -	(1.019.038.175) 25.528.061 2.732.854 321.803.339	(406.320.299) - - -	- - - 172.923.241
Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD (trước đây gọi là Công ty Cổ phần Ma San HD)	Bán hương liệu và phí trộn hương liệu Thu phí quản lý và phí dịch vụ Chi phí thuế Mua hàng hóa Thu nhập cổ tức (*)	22.403.835 606.137 (967.680) (1.591.285.079) -	19.189.336 873.444 (1.451.520) (1.016.109.510) 84.138.228	- - - (527.642.401) -	- - - (246.244.800) -
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Bán hàng hóa Thu phí quản lý và phí dịch vụ Mua hàng hóa Khoản cho vay đã cấp	10.749 3.606 - -	- 200.542 (3.468) 1.600.000	3.996 - - 27.330.695	- 1.043 - 27.330.695
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Bán hàng hóa Chi phí phải thu Thu nhập cổ tức	2.715.016 14.634.811 27.170.114	- - -	234.039 9.200.346 -	- - -

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Công ty	Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
			2012 VND'000	2011 VND'000	31/12/2012 VND'000	31/12/2011 VND'000
	Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Mười Giờ	Khoản cho vay đã cấp Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	(2.028.000.000) (79.073.011)	- -	2.028.000.000 79.073.011	- -
	<b>Các bên liên quan khác</b>					
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Toàn cầu	Phí bảo dưỡng Mua tài sản cố định	(11.781.636) -	(9.733.278) (2.504.872)	(4.993.289) -	(2.433.783) -
	Công ty Cổ phần Bất động sản Ma San	Phí dịch vụ	-	(90.231)	-	-
	<b>Các thành viên Ban Giám đốc</b>					
	Ban Giám đốc	Chi trả tiền lương cho Ban Giám đốc	1.804.005	2.502.051	-	-

(\*) Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH Một Thành viên Bao Bì Minh Việt, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San, Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức tương đương 2.301.179 triệu VND cho Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San (31/12/2011: 1.814.736 triệu VND được phân phối trực tiếp cho Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San). Cũng tại ngày này, Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Ma San quyết định phân phối cổ tức với cùng số tiền trên cho Công ty, mà trong đó 339.169 triệu VND được duyệt phân phối trực tiếp bởi Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Ma San cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**35. Cam kết**

**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn và Công ty có các cam kết vốn đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	449.529.404	307.394.975	-	2.771
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	558.795.692	235.344.940	-	1.638.586
	<u>1.008.325.096</u>	<u>542.739.915</u>	<u>-</u>	<u>1.641.357</u>

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Trong vòng một năm	65.829.224	33.650.609	51.371.093	31.473.909
Trong vòng hai đến năm năm	61.125.854	67.513.115	51.546.576	63.460.149
Sau năm năm	-	34.450.210	-	-
	<u>126.955.078</u>	<u>135.613.934</u>	<u>102.917.669</u>	<u>94.934.058</u>

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**36. Lãi trên cổ phiếu**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 2.764.147 triệu VND (31/12/2011: 2.253.420 triệu VND) và của Công ty là 2.774.444 triệu VND (31/12/2011: 2.231.831 triệu VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 501.712.329 (2011: 482.121.765) cổ phiếu, được tính như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2012 VND'000	2011 VND'000	2011 VND'000	2012 VND'000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.764.147.059	2.253.419.913	2.774.443.656	2.231.830.896

**(b) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<u>Tập đoàn và Công ty</u>	
	2012	2011 (Điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	500.000.000	442.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu mới phát hành trong năm	1.712.329	40.121.765
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm	501.712.329	482.121.765

Vào ngày 15 tháng 5 năm 2012, 251.250.000 cổ phiếu phổ thông đã được phát hành để trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ một cổ phiếu mới cho một cổ phiếu đang được nắm giữ.

Các cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm 2011 và 2012 đã được điều chỉnh lại để phản ánh cổ tức bằng số cổ phiếu đã phát hành trong năm 2011 và 2012. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng được điều chỉnh lại để phản ánh các cổ tức bằng cổ phiếu này.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

### **37. Chi trả bằng cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu phát hành cho nhân viên đối với công sức đóng góp như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
Nhân viên	1.149.594	683.466
Nhân sự quản lý chủ chốt (không bao gồm trong số nhân viên)	131.521	268.334

Cổ phiếu cấp cho nhân viên và nhân sự quản lý chủ chốt được phát hành định kỳ sau khi được sự chấp thuận của các cổ đông.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty cũng cam kết phát hành 565.590 cổ phiếu cho nhân viên đối với công sức đóng góp từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2012 đã bao gồm ở trên.

### **38. Quản lý rủi ro**

Tập đoàn và Công ty phải đối mặt với các rủi ro sau phát sinh từ các công cụ tài chính sau:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

#### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính cho Tập đoàn và Công ty nếu một khách hàng hoặc một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác của Tập đoàn và Công ty.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		Giá trị ghi sổ		Giá trị ghi sổ	
		31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
		VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	3.381.758.920	4.728.409.717	870.152.158	1.547.787.887
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	(ii)	1.772.500.000	802.000.000	1.413.000.000	326.200.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	(iii)	274.449.842	2.481.263.235	4.240.037.335	3.416.311.435
Các khoản phải thu dài hạn	(iii)	5.470.161.109	2.260.161.506	5.461.835.331	2.260.161.506
Đầu tư dài hạn khác	(ii)	365.500.000	-	234.500.000	-
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(iv)	-	-	170.654.454	175.537.051
		11.264.369.871	10.271.834.458	12.390.179.278	7.725.997.879

**(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư dài hạn khác của Công ty và Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty và Tập đoàn.

**(iii) Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn**

Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn và Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, thu nhập lãi tiền gửi phải thu từ các công ty liên quan, cổ tức phải thu và lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng.

Rủi ro tín dụng liên quan đến khoản phải thu của Tập đoàn và Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Để đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn và Công ty thường giao dịch với khách hàng theo phương thức thanh toán tiền mặt ngay khi giao hàng. Đối với những trường hợp khách hàng được mua trả chậm, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản tín dụng.

Rủi ro tín dụng mà Tập đoàn và Công ty phải chịu liên quan đến các khoản cho vay và thu nhập lãi tiền gửi phải thu từ các công ty liên quan và cổ tức phải thu được xem làm tương đối nhỏ do lịch sử thu hồi các khoản phải thu của Tập đoàn và Công ty nằm trong giới hạn thời gian có thể chấp nhận được. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến lãi dự thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn được xem là tương đối nhỏ do tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn và Công ty được gửi tại các ngân hàng và tổ chức tài chính danh tiếng. Tập đoàn và Công ty không nhận thấy sẽ có bất kỳ khoản thua lỗ nào phát sinh từ việc các ngân hàng và tổ chức tài chính này không thể thanh toán các nghĩa vụ theo hợp đồng.



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tập đoàn đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi thể hiện mức lỗ ước tính có thể phát sinh liên quan đến các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày dưới đây, không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu trước khi trích lập dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>	<u>VND'000</u>
Trong hạn	5.717.991.132	4.681.999.851	9.690.399.328	5.658.386.185
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	18.762.683	47.353.593	10.898.417	17.461.049
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.433.539	11.245.365	574.921	6.994
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	1.894.220	361.905	-	251.855
Quá hạn trên 365 ngày	2.907.145	1.547.843	-	1.191.695
	<u>5.744.988.719</u>	<u>4.742.508.557</u>	<u>9.701.872.666</u>	<u>5.677.297.778</u>

**(iv) Hợp đồng bảo lãnh**

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính do Công ty phát hành cho các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay cấp cho các công ty con của Công ty bao gồm Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty TNHH Một Thành viên Ma San HD và Công ty TNHH Một Thành viên Bao bì Minh Việt.

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn và Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn và Công ty.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền mặt để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh dự kiến, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; nhưng không bao gồm các ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến không lường trước được.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Tập đoàn</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>	<b>2 – 5 năm VND'000</b>	<b>Trên 5 năm VND'000</b>
<b>31/12/2012</b>						
Vay ngắn hạn	1.540.393.217	(1.568.133.388)	(1.568.133.388)	-	-	-
Phải trả người bán	505.190.383	(505.190.383)	(505.190.383)	-	-	-
Phải trả người lao động	11.965.824	(11.965.824)	(11.965.824)	-	-	-
Chi phí phải trả	394.648.118	(394.648.118)	(394.648.118)	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.659.086	(3.659.086)	(3.659.086)	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	14.582.966	(14.582.966)	-	(14.582.966)	-	-
Vay dài hạn	2.664.997.057	(3.295.406.437)	(525.464.454)	(2.676.777.810)	(93.164.173)	-
	5.135.436.651	(5.793.586.202)	(3.009.061.253)	(2.691.360.776)	(93.164.173)	-
<b>31/12/2011</b>						
Vay ngắn hạn	1.298.728.337	(1.350.856.536)	(1.350.856.536)	-	-	-
Phải trả người bán	360.346.998	(360.346.998)	(360.346.998)	-	-	-
Phải trả người lao động	5.810.189	(5.810.189)	(5.810.189)	-	-	-
Chi phí phải trả	356.982.285	(356.982.285)	(356.982.285)	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	24.598.656	(24.598.656)	(24.598.656)	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	3.965.976	(3.965.976)	-	-	(3.965.976)	-
Vay dài hạn	2.679.726.326	(3.569.063.756)	(359.726.118)	(497.312.339)	(2.712.025.299)	-
	4.730.158.767	(5.671.624.396)	(2.458.320.782)	(497.312.339)	(2.715.991.275)	-



**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn và Công ty có các khoản (nợ phải trả)/tài sản tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

31/12/2012	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>
	EUR	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.947	101.103.070	298.054
Phải thu khách hàng	-	1.021.407	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	8.391	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	23.192.630	23.192.630
Phải trả người bán	(568.090)	(1.204.066)	(414.220)
Chi phí phải trả	-	(3.785.002)	-
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	(700.848)	(700.848)
Vay dài hạn	-	(108.000.000)	-
	(563.143)	11.635.582	22.375.616

31/12/2011	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>
	EUR	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.284.391	100.776.208	196.738
Phải thu khách hàng	1.392.000	720.637	83.326
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	43.679	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	-	6.036.164	6.036.164
Vay ngắn hạn	-	(73.755)	-
Phải trả người bán	(1.093.544)	(899.262)	(839)
Chi phí phải trả	-	(189.543)	-
Phải trả dài hạn khác	-	(190.416)	(190.416)
Vay dài hạn	-	(108.000.000)	-
	1.582.847	(1.776.288)	6.124.973

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn và Công ty áp dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
1 USD	20.800	20.828	20.800	20.828
1 EUR	27.398	27.700	N/A	N/A

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

	<u>Tập đoàn</u>	<u>Công ty</u>
	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận</b>	
	<b>thuần sau thuế tại ngày</b>	
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>31/12/2012</b>		
USD (mạnh thêm 1%) – làm tăng lợi nhuận thuần sau thuế	2.077.985	3.490.596
EUR (mạnh thêm 1%) – làm giảm lợi nhuận thuần sau thuế	(132.473)	-
	1.945.512	3.490.596
<b>31/12/2011</b>		
USD (mạnh thêm 10%) – làm tăng lợi nhuận thuần sau thuế	15.778.608	9.567.820
EUR (mạnh thêm 10%) – làm tăng lợi nhuận thuần sau thuế	3.825.026	-
	19.603.634	9.567.820

Trong năm 2011, Tập đoàn đã ký kết một hợp đồng tỷ giá kỳ hạn để quản lý rủi ro tỷ giá. Giá trị hợp đồng là 10,46 triệu USD và đáo hạn trong vòng một năm.

Biến động theo hướng ngược lại của các dòng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**Rủi ro lãi suất**

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, bảng tóm tắt của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>				
Các khoản tương đương tiền	3.314.732.981	4.676.424.431	853.500.000	1.529.200.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	1.772.500.000	802.000.000	1.413.000.000	326.200.000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	365.500.000	-	234.500.000	-
Khoản vay ngắn hạn cho công ty mẹ	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Khoản vay dài hạn cho công ty mẹ	4.000.000.000	2.000.000.000	4.000.000.000	2.000.000.000
Khoản vay cho các công ty con	-	-	2.028.000.000	-
Vay ngắn hạn	-	(358.883.532)	-	-
	<b>9.452.732.981</b>	<b>9.119.540.899</b>	<b>8.529.000.000</b>	<b>5.855.400.000</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>				
Tiền gửi ngân hàng	67.025.939	51.985.286	16.652.158	18.587.887
Vay ngắn hạn	(1.540.393.217)	(939.844.805)	(758.686.221)	(689.769.290)
Vay dài hạn	(2.664.997.057)	(2.679.726.326)	-	-
	<b>(4.138.364.335)</b>	<b>(3.567.585.845)</b>	<b>(742.034.063)</b>	<b>(671.181.403)</b>

**Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi**

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn và của Công ty lần lượt là 25.702 triệu VND và 452 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**(d) Giá trị hợp lý**

Tập đoàn và Công ty không xác định được giá trị hợp lý của công cụ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có sẵn giá niêm yết trên thị trường hoạt động cho các khoản nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có sẵn giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**39. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, Kohlberg Kravis Roberts thông qua quỹ đầu tư KKR Ma San Aggregator L.P. đã mua các cổ phiếu mới do Công ty phát hành tương đương 4,348% số lượng cổ phiếu hiện đang lưu hành sau đợt phát hành đó với giá 109 triệu USD, phụ thuộc vào điều khoản và điều kiện của thỏa thuận.

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2013, Công ty thông báo đã ký kết hợp đồng mua 24,9% cổ phần của công ty nước đóng chai, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“Vĩnh Hảo”) từ cổ đông hiện hữu của Vĩnh Hảo bằng tiền mặt với giá 85.000 VND một cổ phiếu. Vào ngày 27 tháng 3 năm 2013, lợi ích kinh tế của Công ty trong Vĩnh Hảo đã tăng từ 24,9% đến 63,51% do Công ty đã mua thêm 38,61% cổ phần từ các cổ đông khác với giá 85.000 VND một cổ phiếu.

Người lập:



Phạm Đình Toại  
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Trương Công Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2013